

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **268/2021/HSPT**

Ngày: 18-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Trương Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hải Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 268/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo H B Niê, cùng đồng phạm bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST Ngày 11-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Trọng K (Tên gọi khác: Không có) sinh ngày 02/9/1971 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và mẹ: Phạm Thị C; Bị cáo đã có 03 vợ (01 vợ đã chết, 01 vợ đã ly hôn) vợ hiện tại là Đinh Thị T và có 04 con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. H T Niê (Tên gọi khác: Không có) sinh ngày 20/11/1987 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Ê Đê; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Y T Ê ban và bà H B Niê; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 23/7/2020. Ngày 24/7/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà;

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng K theo yêu cầu:* Luật sư Tô Tiến D - Văn phòng Luật sư L: Có mặt; Địa chỉ: Đăk Lăk.

Trong vụ án này còn có 02 bị cáo là H B Niê và H R Niê cùng bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng các bị cáo không có kháng cáo, và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quen biết với nhau từ trước H B Niê sinh năm 1992, trú tại buôn D, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk; H R Niê sinh ngày 10/3/1990; H T Niê sinh ngày 20/11/1987, cùng trú tại buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk và Trần Trọng K sinh ngày 02/9/1971, trú tại thôn 22, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Từ tháng 8/2019 đến tháng 9/2019 bị cáo H B Niê đã nảy sinh ý định rồi khởi xướng, rủ rê bàn bạc thống nhất Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng sau đó tìm người đóng giả làm cán bộ ngân hàng làm cho những người bị hại tin tưởng để cho vay tiền rồi chiếm đoạt chia nhau, với thủ đoạn trên các bị cáo đã thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 8/2019, H B đã liên hệ với bà Ngũ Thị H sinh năm 1979, ở thôn 6, xã E huyện C, tỉnh Đăk Lăk hỏi vay tiền để đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng P - Phòng giao dịch E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (viết tắt là Ngân hàng O). Bà H đồng ý nhưng yêu cầu được gặp cán bộ tín dụng thụ lý hồ sơ vay vốn của Ngân hàng O để xác định có đúng mục đích là đáo hạn ngân hàng không. Nghe vậy, H B đã bàn bạc với H R để tìm người đóng giả làm cán bộ Ngân hàng O thì H R đồng ý. Do đã quen biết với Trần Trọng K từ trước nên H R liên lạc với K để nhờ đóng vai một cán bộ tên “T” đang làm việc tại Ngân hàng O để khi bà H liên lạc thì K đưa ra thông tin gian dối về khoản vay của H B làm cho bà H tin tưởng để cho vay tiền. K đồng ý nên H B đã cung cấp các thông tin về hợp đồng tín dụng của mình, đồng thời hướng dẫn K cách đóng giả cán bộ tín dụng tên “T”. Sau khi bàn bạc thống nhất thì H B đưa số điện thoại của K là “0824479919” cho bà H để liên hệ với K. Sau khi trao đổi qua điện thoại với K và được K giới thiệu tên là “T” làm ở Ngân hàng O, K đã cung cấp thông tin “bìa đỏ của H B không có nợ xấu” và K nói với bà H đưa cho H B 260.000.000 đồng nhằm mục

đích đáo hạn hứa hẹn sẽ tác động với Lãnh đạo Ngân hàng O để giải ngân trong ngày thì bà H tin tưởng K là người của Ngân hàng O và việc H B vay tiền đáo hạn ngân hàng là có thật nên đồng ý. Sáng ngày 15/8/2019, H B cùng bà H đi taxi, H R đi xe mô tô biển số: 47R3-0700 chở H Điệp Niê (khi đi H Điệp không biết việc H B và H R lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác) đến Ngân hàng O, để nộp tiền vào Ngân hàng đáo hạn, tại đây bà H đã đưa cho H B số tiền 260.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng sau đó ngồi đợi H B không đáo hạn mà lấy 38.000.000 đồng đến quầy thu ngân để giả vờ đóng tiền vào ngân hàng, số tiền còn lại là 222.000.000 đồng H B đi vào nhà vệ sinh đưa cho H R đi về trước và dặn H R cầm tiền về quán cà phê Quê H ở thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngồi đợi còn H B nói dối với bà H “Đóng xong rồi chị”, sau đó bà H chờ đến chiều 15/8/2019 để giải ngân nhưng K nói dối do bận họp bà H tin tưởng là thật nên đi về. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H B đến quán cà phê Quê H gặp H R. Tại đây, H B lấy số tiền 260.000.000 đồng chia cho H R 10.000.000 đồng, chia cho K 15.000.000 đồng bằng cách nhờ H R gửi tiền vào số tài khoản của K, số tiền còn lại 235.000.000 đồng H B chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Như vậy, trong vụ này các bị cáo chiếm đoạt của bà Ngũ Thị H số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) trong đó: H B chiếm đoạt số tiền 235.000.000 đồng, K chiếm đoạt 15.000.000 đồng, H R chiếm đoạt 10.000.000 đồng

Vụ thứ hai: Với phương thức và thủ đoạn như trên vào khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9/2019, H B rủ H R và Trần Trọng K tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H B đặt vấn đề với bà Vũ Thị L sinh năm 1964, ở tổ dân phố (TDP) 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để vay đáo hạn ngân hàng đối với khoản vay 240.000.000 đồng của mình tại Ngân hàng O. Bà L đồng ý và yêu cầu được gặp cán bộ tín dụng thụ lý hồ sơ vay vốn. Do đó, H B đã đưa số điện thoại của K cho bà L liên hệ trao đổi, đồng thời H B trực tiếp dẫn bà L đến thành phố B để gặp “T” (do K đóng giả). Được K xác nhận khoản vay như thông tin H B cung cấp làm cho bà L tin tưởng việc H B vay tiền đáo hạn ngân hàng là thật. Sau đó H B, H R cùng bà L đến Ngân hàng O, tại đây bà L đã giao cho H B số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, H B đã đưa cho H R cất giữ rồi đi về huyện C, còn K nói dối với bà L là đã vào ngân hàng làm việc rồi nên bà L tin tưởng và đi về. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H B gặp H R tại quán cà phê Quê H ở thị trấn Q, huyện C. Tại đây, H B chia cho H R 110.000.000 triệu đồng, chia cho Trần Trọng K 20.000.000 đồng và nhờ H R gửi tiền vào số tài khoản của K, số tiền 110.000.000 đồng còn lại H B chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Như vậy, trong vụ này các bị cáo chiếm đoạt của bà Vũ Thị L số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) trong đó: H B chiếm đoạt số tiền 110.000.000 đồng, H R chiếm đoạt 110.000.000 đồng, K chiếm đoạt 20.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Để tiếp tục có tiền tiêu xài nên khoảng tháng 9/2019, lợi dụng việc H R Niê có bản phô tô hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng Thương mại B Việt Nam - Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Đắk Lắk (viết tắt là Ngân hàng B) của vợ chồng chị H M Niê sinh năm 1990 và anh Y W Êban sinh năm 1986, ở buôn K, xã C, huyện C (H M là dì của H R nhờ vay tiền đáo hạn Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng) có được thông tin hợp đồng nên H R và H B nảy sinh ý định thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H B nói với bà Hồ Thị Hiền L sinh năm 1980, ở TDP 6, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho chị H M Niê và anh Y W Êban vay tiền để đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng B.

Bà L yêu cầu được gặp cán bộ tín dụng để xác minh nếu đúng mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng và việc giải ngân nhanh thì cho vay. Do đó, H B bàn bạc với K để K đóng giả làm cán bộ tín dụng của Ngân hàng B có tên là “L” rồi đưa số điện thoại của K cho bà L. Bà L liên hệ qua điện thoại với “L” (do K đóng giả), được K xác nhận các thông tin về khoản vay của vợ chồng H M Niê và được hứa hẹn sẽ giúp việc giải ngân trong ngày nên bà L tin tưởng việc H M Niê và Y W Êban vay tiền để đáo hạn là có thật. Ngày 09/9/2019, H B tổ chức cho H T đóng giả làm H M Niê, K nhờ Y C Byă ở huyện C đến đóng giả Y W Êban là chồng của H M để vay tiền, lúc đi mang theo giấy vay tiền có chữ ký ghi tên H M Niê (giấy này do H T viết và ký tên) đến gặp bà L tại quán cà phê L ở thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tại đây, bà L đưa cho H T Niê số tiền 235.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền H T, H B cùng bà L đến Ngân hàng B. Lúc này H T đến quầy giao dịch thực hiện các động tác như đang làm thủ tục đóng tiền vào Ngân hàng nhưng không thực hiện và nói với bà L là đã nộp tiền vào ngân hàng và chờ giải ngân. Trong lúc đang chờ ở Ngân hàng thì bà L nhận điện thoại của K đóng giả “L” nói với bà L “Chị cứ yên tâm đi hồ sơ đó là hồ sơ sạch, chiều hoặc ngày mai tôi sẽ giải ngân cho chị, chị cứ đi về đi” nên bà L tin tưởng đi về nhà. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H B, H R, K và H T đến quán nước trên đường tỉnh lộ 8, gần đồi Cư H Lâm, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để chia tiền. H B yêu cầu các bị cáo viết giấy vay tiền với mục đích để xác nhận số tiền đã chia cho mỗi người và có trách nhiệm khắc phục đối với khoản tiền được chia nếu khi hành vi phạm tội bị phát hiện. H T và K mỗi người được chia 50.000.000 đồng, H B và H R chia nhau mỗi người được chia 67.500.000 đồng.

Như vậy, trong vụ này các bị cáo chiếm đoạt của bà Hồ Thị Hiền L số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) trong đó: H T và K mỗi người chiếm đoạt 50.000.000 đồng, H B và H R mỗi người chiếm đoạt 67.500.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 735.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng) trong đó: H B thực hiện 03 vụ chiếm đoạt 413.500.000 đồng; H R thực hiện 03 vụ chiếm đoạt số tiền 187.500.000 đồng; K thực hiện 03 vụ chiếm đoạt số tiền 85.000.000 đồng; H T thực hiện 01 vụ chiếm đoạt số tiền 49.000.000 đồng (H T đã cho lại H B 1.000.000 đồng)

Tại Bản kết luận giám định số 1094 ngày 13/01/2020 kết luận: Chữ viết phần nội dung trong tài liệu cần giám định ký hiệu AI so với chữ viết của H T Niê trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người viết ra; Chữ ký, chữ viết mang tên H M Niê dưới mục "Người vay" trong tài liệu cần giám định ký hiệu AI so với chữ ký, chữ viết của H M Niê trong mẫu so sánh ký hiệu M2, là không phải do cùng một người ký và viết ra; Chữ ký, chữ viết mang tên Y W Êban dưới mục "Người vay" trong tài liệu cần giám định AI so với chữ ký, chữ viết của Y W Êban trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, là không phải do cùng một người ký và viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 484 ngày 05/6/2020 kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên H B Niê trong tài liệu cần giám định ký hiệu AI (trừ dãy số "241323518" ở dòng thứ 6 tính từ trên xuống và các số "19", "8", "19" ở dòng số 15 tính từ trên xuống) và chữ ký, chữ viết mang tên H B Niê trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên H B Niê trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người viết và ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 4296 ngày 22/10/2020 kết luận đối với 02 file ghi âm do bà Vũ Thị L cung cấp: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt dán, ghép nối, chỉnh sửa nội dung trong hai file âm thanh mẫu cần giám định, không đủ cơ sở giám định, do mẫu tiếng nói so sánh của bị cáo Trần Trọng K có nội dung không đảm bảo yêu cầu giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 1030 ngày 17/11/2020 kết luận: Chữ viết có nội dung bắt đầu bằng các chữ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập...", kết thúc bằng các chữ "... Người vay tiền" và chữ viết dưới mục "Người vay tiền" trong tài liệu cần giám định ký hiệu AI so với chữ viết đứng tên Trần Trọng K trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ toàn bộ các vật chứng có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST ngày 11-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định.

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo H B Niê, H R Niê, H T Niê và Trần Trọng K phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **H B Niê** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/12/2019;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Trần Trọng K** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/12/2019;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **H R Niê** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/12/2019;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **H T Niê** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 23/7/2020;

Bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Trong hạn luật định các bị cáo Trần Trọng K và **H T Niê** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp Cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến tháng 9/2019, bị cáo H B Niê đã nảy sinh ý định rồi khởi xướng, rủ rê bàn bạc thống nhất các bị cáo H R Niê, H T Niê và Trần Trọng K lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng, sau đó tìm người đóng giả làm cán bộ ngân hàng, làm cho những người bị hại tin tưởng để cho vay tiền rồi chiếm đoạt chia nhau.

Các bị cáo đã thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: Bị cáo H B Niê, H R Niê, Trần Trọng K chiếm đoạt của bà Ngũ Thị H 260.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Vũ Thị L 240.000.000 đồng. Ngoài ra, tháng 9/2019 các bị cáo cùng với bị cáo H T Niê bàn bạc rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 235.000.000 đồng của bà Hồ Thị Hiền L.

Với những hành vi và hậu quả nêu trên các bị cáo bị tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật”.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, H T Niê, và Trần Trọng K ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật thì đều bị trừng trị thích đáng, song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi hậu quả, vai trò của từng bị cáo, áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt cáo Trần Trọng K 13 năm tù theo khoản 4 Điều 174 BLHS, bị cáo H T Niê 05 (năm) năm tù theo khoản 3 Điều 174 BLHS là đã xem xét, chiếu cố và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo Trần Trọng K tỏ ra thành khẩn và ăn năn hối cải tuy nhiên cũng không làm thay đổi mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo; vì vậy Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí: Đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H T Niê, và Trần Trọng K. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2021/HS-ST ngày 11-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo H T Niê và Trần Trọng K phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Trần Trọng K** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/12/2019;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **H T Niê** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/12/2019 đến ngày 23/7/2020;

2. Án phí: Các bị cáo H T Niê, và Trần Trọng K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành